

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/HS-ST

Ngày: 21-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN, TỈNH CAO BẰNG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Khánh Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Long Thị Nết và bà Hoàng Thị Bằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 46/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Đàm Vũ Đ;** tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 12/12/1983 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm N, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Đàm M và bà Lương Thị N1; có vợ Nguyễn Thị S và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

2. **Lương Văn T;** tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 24/4/1984 tại huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm N2, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn H (Đã chết) và bà Nông Thị P; có vợ Nông Thị P1 và có 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

3. **Lý Văn N**; tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 12/02/1983 tại huyện H, Cao Bằng.

Nơi cư trú: Xóm N2, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý Văn T1 và bà Nông Thị P2; có vợ Nông Thị Kim N2 và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Các bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2022 đến nay. Đều có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lý Văn N*: Bà Lý Thị N3, là Trợ giúp viên pháp lý. Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Bị hại*: Anh Ngô Liêng Cô S1; sinh năm 1991

Nơi cư trú: Xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Nông Thị P; sinh năm 1960;

Nơi cư trú: Xóm N2, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

+ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T Cao Bằng

Địa chỉ: Số 058A, tổ 9 phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông La Chí T2; Chức vụ: Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức M1; Chức vụ: Phó Giám đốc.

Địa chỉ: Số 058A, tổ 9 phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do (Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị N4; sinh năm 1954;

Nơi cư trú: Xóm N2, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 21/8/2022 các bị cáo Đàm Vũ Đ, Lương Văn T và Lý Văn N rủ nhau cùng đi vào hồ K thuộc xóm N2, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng để thả lưới đánh bắt cá. Khi vào đến hồ, các bị cáo thấy anh Ngô Liêng Cô S1 cũng đang thả lưới phía bên bờ hồ đối diện. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, anh S1 thả lưới xong thì về lán ăn cơm. Quan sát xung quanh hồ không có ai, bị cáo Đ đã nảy sinh ý định lấy trộm tấm lưới của anh S1, nên quay sang nói với bị

cáo T mang bao tải cùng bơi sang bờ bên kia lấy trộm lưới, đồng thời báo bị cáo N ở lại gỡ lưới của các bị cáo và trông đồ. Các bị cáo N và T đồng ý. Khi bơi đến nơi, bị cáo Đ là người kéo và thu lưới, còn bị cáo T mở miệng báo tải cho lưới vào trong bao rồi cả hai cùng nhau kéo bao tải lưới trộm cắp được về chỗ bị cáo N đang đợi. Bị cáo Đ lên bờ trước, còn bị cáo T và N cùng nhau khiêng bao lưới vừa trộm được buộc lên xe mô tô của T chở về nhà T cất giấu, còn bị cáo Đ đèo N về nhà.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 18/KL-ĐGTS ngày 13/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Hòa An xác định: “01 lưới đánh bắt cá bằng cước màu trắng, loại lưới 4 then, dài 170m, cao 08m, trị giá 3.468.000 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng)”.

Tại Bản cáo trạng số 48/CT-VKSHA, ngày 10 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Đàm Vũ Đ, Lương Văn T, Lý Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi vi phạm của mình, các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là sai và xin chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, bị hại anh Ngô Liêng Cô S1 trình bày: Nội dung vụ việc đúng như các bị cáo đã khai. Tôi đã nhận lại tài sản bị trộm nên tôi không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị P trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11H1-4953 là của bà mua năm 2010 với giá 23.500.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, do thời điểm đó bà chưa có Giấy phép lái xe nên nhờ T đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Việc bị cáo sử dụng xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bà không biết. Nay bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, hoàn trả lại chiếc xe mô tô cho bà để có phương tiện đi lại hằng ngày.

Trong lời khai tại cơ quan điều tra và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người được ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T Cao Bằng ông Trần Đức M1 trình bày: Hồ K do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T Cao Bằng quản lý; nhưng đơn vị chỉ quản lý

bề mặt nước phục vụ công tác sản xuất, tưới tiêu còn với tài sản lòng hồ như tôm, cá thì đơn vị không quản lý nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho Công ty.

Tại phần kết luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đàm Vũ Đ, Lương Văn T và Lý Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Xử phạt mỗi bị cáo từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo; Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị P chiếc xe mô tô là vật chứng của vụ án; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường thiệt hại nên đề nghị không xem xét; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T Cao Bằng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết; Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo N trình bày lời bào chữa: Nhất trí với nội dung cáo trạng, tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng với bị cáo N. Tuy nhiên, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo N trong vụ án chỉ là người giúp sức, không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo N mức thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị.

Bị hại anh S1 đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát khẳng định mức hình phạt đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp, đã xem xét đầy đủ tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án nên giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp ý kiến của người bào chữa, bị hại.

Tại phần tranh luận, bị cáo N không có ý kiến bổ sung đối với lời bào chữa của người bào chữa; Bị cáo Đ và T không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của

Kiểm sát viên về tội danh cũng như mức hình phạt. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo không nói gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, các yếu tố cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, lời khai của các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 21/8/2022, các bị cáo Đàm Vũ Đ, Lương Văn T và Lý Văn N đã có hành vi trộm 01 (Một) chiếc lưới đánh bắt cá đã qua sử dụng của anh Ngô Liêng Cô S1, trị giá 3.468.000 đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận mục đích trộm cắp tài sản để mang về sử dụng khi đi đánh bắt cá.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An đối với các bị cáo Đàm Vũ Đ, Lương Văn T và Lý Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Với những căn cứ trên, Hội đồng xét xử khẳng định các bị cáo Đàm Vũ Đ, Lương Văn T, Lý Văn N đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không;
- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải của bản thân;

các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết pháp luật nhưng vì ham muốn cá nhân nên đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà vẫn đảm bảo mục đích cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo nên cần được xem xét chấp nhận. Tuy nhiên trong vụ án này Hội đồng xét xử thấy rằng cần cá thể hoá hành vi, tính chất, mức độ, vai trò từng bị cáo trong vụ án để áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo, đảm bảo sự công bằng và nghiêm minh của pháp luật. Xét thấy, bị cáo Đ là người khởi xướng việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng mức hình phạt cao nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát. Bị cáo T là người thực hành, giúp sức tích cực nên cần áp dụng mức khởi điểm theo đề nghị của Viện kiểm sát. Còn bị cáo N chỉ là người giúp sức, không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, đóng vai trò thứ yếu hơn nên Hội đồng xét xử xem xét cần áp dụng mức hình phạt thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị.

[5] Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo N: Ý kiến người bào chữa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được xem xét, chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 01 (Một) lưới đánh bắt cá bằng cước màu trắng của bị hại anh S1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoà An đã trả lại cho bị hại theo Biên

bản về việc trả lại tài sản ngày 27/9/2022 là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối 01 (Một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11H1-4953, qua các căn cứ xác định được đó là xe của bà Nông Thị P. Do bà P không biết việc bị cáo sử dụng xe để đi thực hiện hành vi phạm tội và đây là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình nên cần trả lại cho chủ sở hữu bà P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại anh Ngô Liêng Cô S1 xác nhận đã nhận lại tài sản theo Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 27/9/2022 và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T Cao Bằng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân các bị cáo nghề nghiệp làm ruộng, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đàm Vũ Đ, Lương Văn T và Lý Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Xử phạt bị cáo Đàm Vũ Đ 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21/12/2022.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21/12/2022.

Xử phạt bị cáo Lý Văn N 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21/12/2022.

Giao các bị cáo Đàm Vũ Đ, Lương Văn T và Lý Văn N cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Trả lại cho bà Nông Thị P; sinh năm 1960; trú tại: Xóm N2, Xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại JUPITER, màu đỏ đen, biển kiểm soát 11H1-4953, số máy 075461, số khung 075457, xe đã qua sử dụng, trong cốp xe không có đồ vật, tài sản gì.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/11/2022.

4. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị hại đã nhận lại tài sản và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T Cao Bằng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đàm Vũ Đ, Lương Văn T và Lý Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Công an huyện Hòa An;
- VKSND huyện Hoà An;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS Hòa An;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Khánh Dân